

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2021

V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Bích Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18-11-2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 36/TB-TA ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị K, sinh năm 1991. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đặng Xuân K, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn S, xã X, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Xuân K trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 05/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh N, sau đó được khoảng 2 năm thì vợ chồng làm nhà ra ở riêng, từ khi ra ở riêng vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N đi làm nhưng không đưa tiền cho chị nuôi con nên vợ

chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mỗi lần mâu thuẫn là anh N lại lao vào đánh đập, chửi chửi. Chính quyền địa phương cũng đã can thiệp, hòa giải nhưng anh N vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 7 năm 2021 chị đã phải về nhà mẹ đẻ tại thôn Suối Hóc, xã Ngọc Chân, huyện Yên Bình để ở (cách nhà khoảng 10km), cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Xuân K.

Về con chung: Giữa chị và anh Đặng Xuân K có 01 con chung là Đặng Thị M, sinh ngày 06/10/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Khiết đang học lớp 3 trường tiểu học xã X, từ khi chị về nhà mẹ đẻ ở, anh N ngăn cấm không cho chị gặp và đón con theo. Anh N thường xuyên đi làm trên hồ Thác Bà, không có nhà, không chăm sóc, nuôi dưỡng được con, mọi việc nuôi dưỡng, đưa đón con đi học anh N đều để cho ông bà nội cháu đảm nhận. Anh N không có trách nhiệm với con, không nuôi con mà để con cho ông bà nội nuôi dưỡng, ở nhà ông bà nội. Ông bà nội cháu hiện cũng đã già yếu, lại ở cùng với vợ chồng gia đình con trai út, không thể đảm bảo các điều kiện tốt nhất để chăm sóc cháu Khiết được. Vì vậy, chị có nguyện vọng được nuôi con. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị.

Hiện nay chị đang làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân khoảng 250.000 đồng/ngày. Chị ở cùng mẹ đẻ (mẹ đẻ chị có nhà đất), chị đảm bảo các điều kiện về kinh tế và chỗ ở để nuôi dạy con tốt nhất.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Xuân K nhưng anh N không đến tòa để giải quyết việc chị K xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh N, anh N không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo đơn nguyện vọng của cháu Đặng Thị M thì nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Chị K, anh N kết hôn và chung sống với nhau tại Thôn S, xã X, huyện Yên Bình. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị K đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Suối Hóc, xã Ngọc Chân, huyện Yên Bình ở từ khoảng tháng 7/2021 cho đến nay. Giữa chị K và anh N có một con chung là Đặng Thị M, sinh năm 2013, từ khi chị K về nhà bố mẹ đẻ thì cháu Khiết ở với ông bà nội, do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, còn anh N thường xuyên đi làm trên hồ Thác Bà không chăm sóc được con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của

các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị K để xử cho chị K được ly hôn với anh Đặng Xuân K. Về nuôi con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị Nông Thị K. Giao con chung là Đặng Thị M, sinh ngày 06/10/2013 cho chị Nông Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về án phí: Chị Nông Thị K phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Xuân K có hộ khẩu thường trú tại Thôn S, xã X, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn là chị Nông Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn là anh Đặng Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt chị K, anh N là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị K và anh Đặng Xuân K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 05 tháng 12 năm 2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị K xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N đi làm nhưng không đưa tiền cho chị nuôi con nên vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mỗi lần mâu thuẫn là anh N lại lao vào đánh đập, chửi chị. Chính quyền địa phương cũng đã can thiệp, hòa giải nhưng anh N vẫn cứng đầu bất chấp, không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 7 năm 2021 chị đã phải về nhà mẹ đẻ tại thôn Suối Hóc, xã Ngọc Chấn, huyện Yên Bình để ở, cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt để hòa giải, thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị K là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nông Thị K được ly hôn anh Đặng Xuân K.

[3] Về con chung: Chị Nông Thị K và anh Đặng Xuân K có 01 con chung là Đặng Thị M, sinh ngày 06/10/2003. Chị K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị K về nuôi con chung thấy rằng: Chị K hiện đang làm lao động tự do tại địa phương, có thu nhập, chỗ ở ổn định để nuôi con. Cháu Đặng Thị M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Khiết đang ở với ông bà nội (bố mẹ đẻ anh N), anh N thường xuyên đi làm trên hồ Thác Bà, mọi việc chăm sóc, học hành của cháu Khiết đều do bố mẹ anh N đảm nhận. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh N không có mặt, không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Nên để đảm bảo về mọi mặt sinh hoạt và học tập của con cần giao con cho chị Nông Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị K được ly hôn anh Đặng Xuân K.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Thị M, sinh ngày 06/10/2013 cho chị Nông Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001511 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận chị K đã nộp đủ).

Chị Nông Thị K và anh Đặng Xuân K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào